

Phụ lục 3: KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính						
				Xã Krông Na	Xã Ea Huar	Xã Ea Wer	Xã Tân Hoà	Xã Cuôr Knia	Xã Ea Bar	Xã Ea Nuôl
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	147.26	24.19	75.87	8.64	18.68	1.66	7.63	10.59
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0.63	0.20		0.08	0.04	0.01	0.30	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>0.63</i>	<i>0.20</i>		<i>0.08</i>	<i>0.04</i>	<i>0.01</i>	<i>0.30</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	18.74	0.32	3.92	5.59	1.94	0.15	3.16	3.66
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	106.94	2.72	71.94	2.97	16.71	1.51	4.16	6.93
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	13.60	13.60						
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	7.35	7.35						
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0.08				0.08			

Ghi chú:

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.